TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI** **Số: 04/2025/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc " *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con*'', gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lương Thị M T; sinh năm: 1990
- Anh Vũ Đ Ch ; sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Chị Lương Thị M T và anh Vũ Đ Ch thỏa thuận thuận tình ly hôn với lý do vợ chồng sống chung không được hòa thuận, bất đồng về quan điểm, sống không hạnh phúc, cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, được chấp nhận theo Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

2. Về con chung: Chị Lương Thị M T và anh Vũ Đ Ch có 04 con chung tên là Vũ L Nh, sinh ngày 12/06/2014; Vũ Lương H M, sinh ngày 16/11/2017; Vũ Lương H Đ, sinh ngày 19/03/2020; Vũ Lương Th Â, sinh ngày 05/8/2022. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cháu Vũ L Nh và Vũ Lương Th Â cho chị Tuyền, giao con Vũ Lương H M và Vũ Lương H Đ cho anh Ch là người trực tiếp nuôi các con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, về cấp dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập đến.

4. Về lệ phí: Căn cứ theo Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 và danh mục lệ phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự, chị Lương Thị Mộng Tuyền nhận nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Th M T và anh Vũ Đ Ch thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa chị T và anh Ch chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (08 /8 /2025).

- Về con chung: Giao con Vũ Linh Nh, sinh ngày 12/06/2014 và Vũ Lương Th Â, sinh ngày 05/8/2022 cho chị T, giao con Vũ Lương H M, sinh ngày 16/11/2017 và Vũ Lương H Đ, sinh ngày 19/03/2020 cho anh Đ là người trực tiếp nuôi các con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, về cấp dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về lệ phí: Chị Lương Thị M T nhận nộp lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước. Chị Lương Thị M T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo giấy nộp tiền ngày 14/7/2025 số tài khoản 0007276276276 tại KBNN KV 15 – Phòng nghiệp vụ 2, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0000438, ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND Khu vực 11
- UBND xã Bờ Y
- Lưu HS

THẨM PHÁN

Y Trinh